

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15/8/2024
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Lệ;

Ông Nguyễn Văn Biên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Vương Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Trà Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1984; NĐKHKT: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Hồng C, sinh năm 1980; địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Hồng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị ngày 26/3/2007.

Thời gian đầu mới kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 6/2019, anh C đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Từ đó đến nay anh C không về thăm vợ, con, chỉ thỉnh thoảng điện thoại thăm con. Hiện anh C đã hết hạn hợp đồng nên cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không thể hàn gắn được, hôn nhân không thể kéo dài nên chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết những vấn đề sau:

- Về tình cảm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Hồng C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Lê Nguyễn Khánh M**, sinh ngày 01/10/2014 và cháu **Lê Nguyễn Khánh V**, sinh ngày 18/11/2006. Nếu ly hôn, chị **D** có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu, không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 903/PA08-D1 ngày 07/6/2024, Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q xác nhận: Anh **Lê Hồng C** đã xuất cảnh ngày 21/4/2020 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đến cho anh **Lê Hồng C** thông qua bố đẻ của anh **C** là ông **Lê Hồng K**; địa chỉ: **Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**.

Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2024, ông Lê Hồng K và bà Trần Thị C1 (bố, mẹ đẻ anh C) trình bày:

Anh **Lê Hồng C** là con đẻ của ông **K** và bà **C1**. Anh **C** đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc từ năm 2019, từ đó đến nay chưa về thăm nhà. Hiện nay anh **C** đã hết hợp đồng nên ra ngoài làm, gia đình không được anh **C** cho biết địa chỉ nên không thể cung cấp địa chỉ của anh **C** cho Tòa án, anh **C** thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình thông qua điện thoại. Ông **K** và bà **C1** nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan thông tin cho anh **C** biết việc chị **D** xin ly hôn anh **C**.

Vợ chồng chị **D**, anh **Chung c** sống bên cạnh nhà ông bà, không để xảy ra mâu thuẫn gì. Hàng tháng vẫn gửi tiền về cho chị **D** nuôi con. Ông **K** và bà **C1** nghe thông tin chị **D** ly hôn anh **C** để kết hôn giả với người khác nhằm mục đích xuất cảnh sang Mỹ. Đề nghị Tòa án xem xét.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 27/6/2024 đối với cháu Lê Nguyễn Khánh M và đơn trình bày ngày 10/7/2024 của cháu Lê Nguyễn Khánh V: Các cháu là con của ba **C** và mẹ **D**. Ba Chung đang lao động tại Hàn Quốc. Hiện 02 cháu đang sống cùng mẹ và được mẹ chăm sóc rất tốt. Nếu bố mẹ ly hôn, cả 02 cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 5, Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; mục a điểm 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

- + Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Hồng C.
- + Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Khánh M, sinh ngày 01/10/2014 và cháu Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 18/11/2006 cho chị D nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.
- + Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
- + Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Lê Hồng C. Theo Công văn số 903/PA08-Đ1 ngày 07/6/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q xác nhận: Anh Lê Hồng C đã xuất cảnh ngày 21/4/2020 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Như vậy, vụ án có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, chị D và người thân của anh C không cung cấp được địa chỉ nơi anh C đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên, anh C vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và các con thông qua điện thoại. Anh C đã được người thân thông báo về việc TAND tỉnh Quảng Trị đang thụ lý, giải quyết vụ án chị D khởi kiện xin ly hôn nhưng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, cư trú nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình*” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tổng đạt kế hoạch giải quyết vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến cho anh C thông qua ông Lê Văn K1 là bố đẻ của anh C. Ông K1 đã nhận và cam đoan thông báo lại cho anh C nhưng anh C không đến Tòa án để giải quyết việc chị D có yêu cầu xin ly hôn. Do đó, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Hồng C được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b

khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Hồng C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H ngày 26/3/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình..

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị D xin được ly hôn anh Lê Hồng C, HĐXX thấy rằng: Thời gian đầu mới kết hôn, chị D và anh Chung c sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi anh C đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc thì không về thăm gia đình, ít quan tâm, chăm sóc vợ, con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Kế hoạch giải quyết vụ án và thông báo cho anh C biết để sắp xếp công việc, tham gia tố tụng nhưng anh C không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình, chứng tỏ anh C không mong muốn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Hồng C theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Hồng C có 02 con chung là Lê Nguyễn Khánh M, sinh ngày 01/10/2014 và cháu Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 18/11/2006. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX thấy rằng: Nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cái là của bố mẹ. Hiện nay, anh C đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ, nghề nghiệp, trong khi chị D đang ở Việt Nam, có đủ điều kiện nuôi dưỡng con. Cả 02 con chung đều đã trên 07 tuổi, tại biên bản ghi ý kiến và bản trình bày của các cháu đều mong muốn ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, cần giao cả 02 con chung chị D trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lê Hồng C.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Khánh M, sinh ngày 01/10/2014 và cháu Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 18/11/2006 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000100 ngày 17/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị D đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Hải Khê, Hải Lăng;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: HSPA, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Trung